

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 – 8 – 2020  
V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Yên.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Tiến** và bà **Hồ Thị Lan.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hoàng Vân Anh**- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 443/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2020/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2020/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm TA**, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: tổ 36, khu 2, phường BD, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức K**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 23, khu 2B, phường CT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 3 mặc dù được tổng đạt hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm TA trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Đức K có tổ chức lễ cưới vào tháng 3 năm 2018 và đến ngày 24/9/2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn cả hai có thời gian tìm hiểu nhau 6 tháng, chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh K có công việc ở xa, thỉnh thoảng mới về nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến

ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức K.

*Về con chung:* Quá trình chung sống chị Phạm TA và anh Nguyễn Đức K có 01 con chung: Nguyễn Đức Bảo D (sinh ngày 10/8/2018).

Nay ly hôn, chị TA có quan điểm muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Tại đơn khởi kiện và các buổi hòa giải chị TA có quan điểm yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi có Quyết định/Bản án ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị TA thay đổi quan điểm không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về công nợ chung:* Không có;

*Về án phí:* Chị TA nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Bị đơn anh Nguyễn Đức K* có thể hiện tại bản tự khai cũng như các buổi hòa giải như sau: Về thời gian, điều kiện, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống như lời chị TA trình bày ở trên là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K làm ăn thua lỗ, gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên anh K phải đi làm ăn xa gia đình khiến cho vợ chồng xa cách nhau. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên hiện tại chị TA có đơn xin ly hôn anh K không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp sau này chị TA vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn còn hiện tại anh K muốn có thời gian để vợ chồng nói chuyện vì mâu thuẫn hiện tại chỉ là do khoảng cách về địa lý chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

*Về con chung:* Anh K xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức Bảo D (sinh ngày 10/8/2018).

Nếu phải ly hôn, anh muốn được nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị TA phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về công nợ chung:* Không có;

*Về án phí:* Vợ chồng thống nhất chị TA là người nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Chị Phạm TA khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức K (ĐKHKT: Tổ 23, khu 2B, phường CT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh). Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm TA và anh Nguyễn Đức K có tổ chức lễ cưới vào tháng 3 năm 2018 và đến ngày 24/9/2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Việc đăng ký kết hôn này thể hiện quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm TA đối với anh Nguyễn Đức K Tòa án nhận thấy: Chị TA cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh K đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về nhà nên không hỗ trợ quan tâm chăm sóc được gia đình con cái với chị. Từ những khoảng cách về địa lý dẫn đến khoảng cách về tình cảm khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị TA xác định không còn chút tình cảm vợ chồng nào cho anh K, việc kéo dài quan hệ hôn nhân khiến cuộc sống của chị bế tắc.

Anh Nguyễn Đức K thể hiện quan điểm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chỉ là do anh làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, cuộc sống vợ chồng khó khăn về kinh tế. Sau đó, anh đi làm ăn xa nhà không thường xuyên có mặt tại nhà để chăm sóc, hỗ trợ gia đình. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào to tát trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh K không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Đơn xin xác nhận do chị TA nộp cho Tòa án có thể hiện nội dung : Vợ chồng anh chị có đăng ký hộ khẩu thường trú và có sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, do anh chị sống khép kín nên tổ dân không được biết về mâu thuẫn của vợ chồng. Nhưng chị TA cho rằng, mâu thuẫn và rạn nứt tình cảm của vợ chồng chị đã ở mức không thể cứu vãn. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh chị không thể đoàn tụ. Cả 2 anh chị không ai chịu từ bỏ cái tôi để có thể vì người kia mà xây dựng cuộc sống gia đình.

Những mâu thuẫn giữa chị TA và anh K cùng với việc khoảng cách địa lý mỗi người một nơi, không có thời gian bên cạnh nhau giúp đỡ, chăm sóc lẫn nhau, không có sự chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày nên đã dẫn tới mức độ mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng anh chị không tìm được cách khắc phục. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thể hiện việc để cho chị TA và anh K quay về đoàn tụ là không khả thi. Chị TA kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này thì cả hai anh chị cũng không thể hạnh phúc. Anh K được Tòa án triệu tập tới phiên tòa để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng 3 lần Tòa án triệu tập anh đều không có mặt. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị TA là

có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Phạm TA và anh Nguyễn Đức K có 01 con chung: Nguyễn Đức Bảo D (sinh ngày 10/8/2018). Tại phiên tòa, chị TA có quan điểm muốn được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K cũng có quan điểm muốn được nuôi con chung và không yêu cầu chị TA phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng về con chung của chị TA và anh K là hoàn toàn hợp lý. Cả hai vợ chồng đều có điều kiện để chăm sóc con chung tốt như nhau; tuy nhiên anh K tính chất công việc ở xa, không thường xuyên có mặt tại nhà và con chung hiện tại vẫn còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng cần sự chăm sóc của người mẹ nên việc giao con chung cho chị TA nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị TA và anh K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Ngoài ra không vay nợ chung tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị TA phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân gia đình và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm TA.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm TA được ly hôn anh Nguyễn Đức K.
- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Đức Bảo D (sinh ngày 10/8/2018) cho chị TA trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép cản trở.
- *Về tài sản chung*: Không có.
- *Về công nợ chung*: Không có.
- *Về án phí*: Chị Phạm TA phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002534 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị TA đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP H;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự TP H;*
- *Ủy ban nhân dân phường CT, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Yến**